|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH  **KHOA SƯ PHẠM NGOẠI NGỮ** | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**BIÊN BẢN HỌP**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**Thời gian:** Từ 7.30 ngày 07.01. 2021

**Địa điểm:** Trực tuyến qua zoom

**I. Thành phần tham dự**

1. Chủ trì: TS. Nguyễn Thị Kim Anh

2. Thư ký: ThS. Võ Thị Hồng Minh

3. Các thành viên của Hội đồng khoa học và đào tạo Khoa SP Ngoại ngữ

**II. Nội dung cuộc họp: Triển khai lấy ý kiến các bên liên quan rà soát, cập nhật chương trình đào tạo ngành Sư phạm Tiếng Anh theo tiếp cận CDIO (Đề tài năm 2021)**

1. TS. Nguyễn Thị Kim Anh, Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo, chủ trì cuộc họp: tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần, thông qua chương trình cuộc họp.

2. TS. Nguyễn Thị Kim Anh trao đổi về việc thực hiện yêu cầu, nội dung của phiên họp; trong đó, tập trung vào việc tiến hành tổ chức Hội nghị tham vấn các bên liên quan về mục tiêu, chuẩn đầu ra các CTĐT tiếp cận CDIO trình độ đại học và sau đại học năm 2021 (Theo Kế hoạch Số 22/KH-ĐHV ngày 09/3/2021).

**Phần thảo luận các ý kiến:**

**1. Ý kiến của TS. Lê Thị Tuyết Hạnh:** Việc tham vấn các bên liên quan cần được cân nhắc lựa chọn đối tượng phù hợp, có hiểu biết về Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Tiếng Anh

**2. Ý kiến của ThS. Hoàng Tăng Đức:** Kế hoạch tiến hành tổ chức Hội nghị tham vấn các bên liên quan về mục tiêu, chuẩn đầu ra các CTĐT tiếp cận CDIO, bao gồm:

* Sinh viên, cựu sinh viên: Giao cho Quản lý HSSV phụ trách lập danh sách và hướng dẫn sinh viên thực hiện khảo sát. Deadline: 15/3/2021
* Nhà tuyển dụng: Giao cho các Bộ môn Biên biên dịch liên hệ với các Doanh nghiệp tham gia cho ý kiến trực tiếp, trực tuyến; Giao cho Bộ môn Phương pháp giảng dạy tiếng Anh liên hệ với các Hiệu trưởng/ nhà quản lý. Deadline: 15/3/2021
* Chuyên gia, giảng viên: Giao cho chủ nhiệm đề tài đề xuất danh sách và hướng dẫn thực hiện khảo sát. Deadline: 15/3/2021

1. **Ý kiến của TS. Nguyễn Xuân Bình:** Việc xây dựng mẫu phiếu khảo sát theo hướng dẫn của Nhà trường.
2. **Ý kiến của ThS. Trần Thị Phương Thảo:** Hình thức tham vấn nên đa dạng, linh hoạt, kết hợp trực tuyến và trực tiếp.
3. **Ý kiến của TS. Nguyễn Duy Bình:** Thời gian tham vấn theo lịch của Nhà trường. Khoa có thể chủ động kết hợp tham vấn các giáo viên phổ thông trong các đợt Bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên phổ thông 06 tỉnh Nam Định, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị.

**III. Kết luận của hội đồng**

Hội đồng khoa học và đào tạo Khoa SP Ngoại ngữ họp và thống nhất một số nội dung liên quan đến Triển khai lấy ý kiến các bên liên quan rà soát, cập nhật chương trình đào tạo ngành Sư phạm Tiếng Anh theo tiếp cận CDIO (Đề tài năm 2021)

1. Thống nhất giao cho các Chủ nhiệm đề tài nghiên cứu và hoàn thiện các biểu mẫu liên quan đến việc tham vấn ý kiến các bên liên quan về CTĐT
2. Giao cho các bộ môn và các cá nhân hỗ trợ việc liên hệ và tham vấn về Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh
3. Yêu cầu tất cả cán bộ, giảng viên, sinh viên của Khoa tập trung thực hiện tốt việc tham vấn các bên liên quan để rà soát, điều chỉnh Chuẩn đầu ra và Khung CTĐT các ngành SP Tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh.

Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa SP Ngoại ngữ nhất trí thông qua với 100% thành viên.

Cuộc họp kết thúc vào lúc 10.15 ngày 07 tháng 01 năm 2021, nội dung cuộc họp đã được các thành viên dự họp thông qua và cùng ký vào biên bản.

Biên bản được các thành viên nhất trí thông qua./.

|  |  |
| --- | --- |
| **Chủ trì** | **Thư ký** |
| **TS. Nguyễn Thị Kim Anh** | **ThS. Võ Thị Hồng Minh** |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH  **KHOA SƯ PHẠM NGOẠI NGỮ** | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**BIÊN BẢN HỌP**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**Thời gian:** Từ 7.30 ngày 15.03. 2021 (Thứ Năm)

**Địa điểm:** Trực tuyến qua zoom

**I. Thành phần tham dự**

1. Chủ trì: TS. Nguyễn Thị Kim Anh

2. Thư ký: ThS. Võ Thị Hồng Minh

3. Các thành viên của Hội đồng khoa học và đào tạo Khoa SP Ngoại ngữ

**II. Nội dung cuộc họp: Thẩm định Nội dung Đề tài Nghiên cứu rà soát, cập nhật chương trình đào tạo ngành Sư phạm Tiếng Anh theo tiếp cận CDIO**

- Chủ nhiệm đề tài: ThS. Hoàng Tăng Đức

- Mã số: T2021-11TĐ

1. TS. Nguyễn Thị Kim Anh, Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo, chủ trì cuộc họp: tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần, thông qua chương trình cuộc họp.

2. TS. Nguyễn Thị Kim Anh trao đổi về việc thực hiện chủ trương và hướng dẫn của Trường Đại học Vinh về xây dựng phát triển chương trình đào tạo theo hướng tiếp cận CDIO, Khoa SP Ngoại ngữ đã thực hiện việc thiết kế, xây dựng chương trình đào tạo ngành Sư phạm Tiếng Anh, ngành Ngôn ngữ Anh tiếp cận CDIO bắt đầu từ tháng 9 năm 2016.

3. Khoa SPNN đã thành lập ban xây dựng CTĐT theo tiếp cận CDIO và đã giao nhiệm vụ cho Ban tiến hành và triển khai các nội dung liên quan đến CTĐT. Để thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến Đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá các học phần trong CTĐT ngành Ngành Sư phạm Tiếng Anh Hội đồng khoa đã đề xuất các thành viên chủ trì đề tài *Nghiên cứu rà soát, cập nhật chương trình đào tạo ngành Sư phạm Tiếng Anh theo tiếp cận CDIO (Năm 2021)*

**Phần thảo luận các ý kiến:**

**1. Ý kiến của PGS. TS. Ngô Đình Phương:** Phần tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực đề tài: Tác giả đã phân tích, đánh giá tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài ở Việt Nam và trên thế giới, tuy nhiên đề tài chưa liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu có liên quan đến đề tài được trích dẫn khi đánh giá tổng quan. Còn sự trùng lặp của đoạn văn trong phần tổng quan, tác giả cần chỉnh sửa lại.

**2. Ý kiến của TS. Lê Thị Tuyết Hạnh:** Tác giả và nhóm thành viên đã có sự nghiên cứu kỹ lưỡng về những vấn đề lý luận và thực tiễn, những thách thức của quá trình xây dựng và triển khai một chương trình đào tạo tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, phù hợp với xu thế và nhu cầu xã hội.

**3.Ý kiến của TS. Vũ Thị Hà:** Tác giả đã nêu được các cách thức tiếp cận cụ thể và các phương pháp sử dụng để nghiên cứu đề tài một cách chi tiết và mạch lạc.

**4. Ý kiến của TS. Nguyễn Thị Kim Anh:** Nội dung nghiên cứu và tiến độ thực hiện:

- Thiết kế và xây dựng được chi tiết trình tự và các nội dung nghiên cứu, có dự kiến sản phẩm và thời gian cụ thể để hoàn thành.

- Phần nội dung I chưa có sản phẩm dự kiến. Nội dung I tác giả ghi là rà soát đề cương chi tiết, trong phần này đã có nội dung rà soát CĐR, mục tiêu đào tạo,… Nội dung II ghi là rà soát, cập nhật mục tiêu, CĐR, … Các nội dung này tác giả nên thống nhất giữa các nhiệm vụ để tránh trùng lặp.

**5. Ý kiến của TS. Nguyễn Hữu Quyết:** Về các sản phẩm của đề tài đã có trong danh mục sản phẩm đề tài, bao gồm

- Đề cương CDIO ngành đào tạo

- Mục tiêu, Chuẩn đầu ra và Báo cáo tham vấn ý kiến các bên liên quan về mục tiêu, chuẩn đầu ra CTĐT ngành đào tạo

- Bản mô tả CTĐT ngành đào tạo

- Báo cáo kết quả đối sánh CTĐT ngành đào tạo với các CTĐT trong và ngoài nước

- Đề cương chi tiết các học phần thuộc CTĐT ngành đào tạo được triển khai theo hình thức dạy học dự án hoặc đồ án.

**III. Kết luận của hội đồng**

Hội đồng khoa học và đào tạo Khoa SP Ngoại ngữ họp và thống nhất một số nội dung liên quan đến Thẩm định Nội dung Đề tài Nghiên cứu rà soát, cập nhật chương trình đào tạo ngành Sư phạm Tiếng Anh theo tiếp cận CDIO

1. Chủ nhiệm đề tài và nhóm nghiên cứu tiếp tục tổ chức các buổi seminar, sinh hoạt chuyên đề để tiến hành các nội dung trong việc rà soát, cập nhật Chương trình đào tạo.
2. Chủ nhiệm đề tài và nhóm nghiên cứu chỉnh sửa, bổ sung theo các ý kiến góp ý của Hội đồng, hoàn thiện các sản phẩm của đề tài để nghiệm thu cấp khoa theo đúng tiến độ và đạt kết quả.

Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa SP Ngoại ngữ nhất trí thông qua với 100% thành viên.

Cuộc họp kết thúc vào lúc 10.15 ngày 11 tháng 3 năm 2021, nội dung cuộc họp đã được các thành viên dự họp thông qua và cùng ký vào biên bản.

Biên bản được các thành viên nhất trí thông qua./.

|  |  |
| --- | --- |
| **Chủ trì** | **Thư ký** |
| **TS. Nguyễn Thị Kim Anh** | **ThS. Võ Thị Hồng Minh** |
|  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH  **KHOA SƯ PHẠM NGOẠI NGỮ** | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**BIÊN BẢN HỌP**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**Thời gian:** Từ 19.30 ngày 08.04.2021 (Thứ Năm)

**Địa điểm:** Trực tuyến qua zoom

**I. Thành phần tham dự**

1. Chủ trì: TS. Nguyễn Thị Kim Anh

2. Thư ký: ThS. Võ Thị Hồng Minh

3. Các thành viên của Hội đồng khoa học và đào tạo Khoa SP Ngoại ngữ

**II. Nội dung cuộc họp: Góp ý Khung Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Tiếng Anh (Năm 2021) (Lần 1)**

1. TS. Nguyễn Thị Kim Anh, Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo, chủ trì cuộc họp: tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần, thông qua chương trình cuộc họp.

2. TS. Nguyễn Thị Kim Anh trao đổi về các yêu cầu nghiên cứu rà soát, cập nhật chương trình đào tạo ngành Sư phạm Tiếng Anh theo tiếp cận CDIO (Năm 2021)

**Phần thảo luận các ý kiến:**

**1. Ý kiến của PGS. TS. Trần Thị Ngọc Yến:**

- Tăng cường thời gian thực hành sư phạm đối với SV ngành Sư phạm tiếng Anh bằng cách lồng ghép giờ thực hành SP tại trường phổ thông vào các HP chuyên ngành, cụ thể:

**Học kỳ 4:** Kỹ thuật và PPGD tiếng Anh 1 (Language elements + Classroom management) gồm 3 TC trong đó có 2 TC dạy lý thuyết và 1 TC thực hành SP tại trường phổ thông

**Học kỳ 5:** gồm 2 học phần chuyên ngành *Kỹ thuật và PPGD tiếng Anh 1* (Language elements + Classroom management) gồm 3 TC trong đó 2 TC trang bị lý thuyết và 1 TC là thực hành và Kiến tập sư phạm (1TC)

Để xuất HP *Kiến tập sư phạm* nên giao cho tổ Bộ môn PPGD của Khoa SP quản lý và điều hành để gắn liền việc dạy lý thuyết + thực hành SP tại trường phổ thông)

**Học kỳ 6:** gồm 2 HP chuyên ngành là *Thiết kế chương trình và phát triển học liệu* và *Phương pháp NCKH chuyên ngành tiếng Anh*. Trong quá trình đào tạo 2 HP này thì GV áp dụng mô hình dạy học theo dự án và SV làm dự án thay thế môn thi kết thúc HP. Nội dung các dự án liên quan đến việc dạy và học Tiếng Anh ở trường phổ thông.

**Học kỳ 7:** gồm 2 học phần *Kiểm tra đánh giá ngoại ngữ* (3TC) và *Kỹ thuật và thực hành giảng dạy tiếng Anh 2* (6 TC gồm 4 TC lý thuyết và 2 TC thực hành bao gồm cả việc dự giờ tại trường phổ thông)

**2. Ý kiến của TS. Lê Thị Tuyết Hạnh:** Đối với các học phần Tâm lý học và Giáo dục học có thể giảm số tín chỉ để tăng cường số Tín chỉ cho các học phần cốt lõi của khối ngành như các môn Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh vào 3 học kỳ đầu và các môn Kỹ năng tiếng Anh chuyên sâu vào các kỳ 4, 5, 6

**3. Ý kiến của TS. Nguyễn Duy Bình:**

- Nhập môn ngành Sư phạm sẽ có phần chung (1 TC) cho tất cả các ngành sư phạm. Trường đang dự kiến cho chuyển thành bài giảng elearning. Các nội dung khác do khoa chuyên ngành đảm nhiệm.

- Nếu nhập Kiến tập vào Giáo dục học thì bớt được 1 đầu môn và thừa ra 1 tín chỉ. Do đó, nhóm nghiên cứu có thể cân nhắc để cấu trúc lại môn học.

- Công nghệ giáo dục (có đề cương chung) thì Khoa SPNN có thể đăng ký đảm nhiệm. Đây có thể là một học phần triển khai đề án (kết hợp Tin học, Kỹ thuật dạy học, …).

**III. Kết luận của hội đồng**

Hội đồng khoa học và đào tạo Khoa SP Ngoại ngữ họp và thống nhất một số nội dung liên quan đến góp ý Khung Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Tiếng Anh (Sau rà soát)

1. Chủ nhiệm đề tài và nhóm nghiên cứu tiếp tục tổ chức các buổi seminar, sinh hoạt chuyên đề để tiến hành các nội dung trong việc rà soát, cập nhật Chương trình đào tạo.
2. Chủ nhiệm đề tài và nhóm nghiên cứu chỉnh sửa, bổ sung theo các ý kiến góp ý của Hội đồng, hoàn thiện các sản phẩm của đề tài để nghiệm thu cấp khoa theo đúng tiến độ và đạt kết quả.

Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa SP Ngoại ngữ nhất trí thông qua với 100% thành viên.

Cuộc họp kết thúc vào lúc 10.15 ngày 08 tháng 4 năm 2021, nội dung cuộc họp đã được các thành viên dự họp thông qua và cùng ký vào biên bản.

Biên bản được các thành viên nhất trí thông qua./.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chủ trì** | | **Thư ký** | |
| **TS. Nguyễn Thị Kim Anh** | | **ThS. Võ Thị Hồng Minh** | |
|  | |  | |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH  **KHOA SƯ PHẠM NGOẠI NGỮ** | | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | |

**BIÊN BẢN HỌP**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**Thời gian:** Từ 19.30 ngày 22.04.2021 (Thứ Năm)

**Địa điểm:** Trực tuyến qua zoom

**I. Thành phần tham dự**

1. Chủ trì: TS. Nguyễn Thị Kim Anh

2. Thư ký: ThS. Võ Thị Hồng Minh

3. Các thành viên của Hội đồng khoa học và đào tạo Khoa SP Ngoại ngữ

**II. Nội dung cuộc họp: Góp ý Khung Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Tiếng Anh (Năm 2021) (Lần 2)**

1. TS. Nguyễn Thị Kim Anh, Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo, chủ trì cuộc họp: tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần, thông qua chương trình cuộc họp.

2. TS. Nguyễn Thị Kim Anh trao đổi về các yêu cầu nghiên cứu rà soát, cập nhật chương trình đào tạo ngành Sư phạm Tiếng Anh theo tiếp cận CDIO (Năm 2021)

**Phần thảo luận các ý kiến:**

**1. Ý kiến của ThS. Phan Thị Hương:** Khung chương trình đào tạo được giữ nguyên với số lượng 126 tín chỉ, tối đa 38 học phần. Do đó, nhóm nghiên cứu cần lưu ý để đối sánh với Chương trình đào tạo hiện hành về Mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra, số lượng học phần, vv để thấy được sự cải tiến trong Chương trình đào tạo (phiên bản sau cải tiến)

**2. Ý kiến của TS. Nguyễn Xuân Bình:** Cấu trúc CTĐT cần bố trí các học phần đồ án theo đinh hướng sau: (1) Có tối thiểu 3 học phần đồ án theo hướng phát triển năng lực nghiên cứu khoa học cơ bản (2) Có tối thiểu 4 học phần đồ án theo hướng phát triển năng lực nghề nghiệp sư phạm, tập trung tích hợp các kỹ năng nghề nghiệp và các năng lực chuyên môn. Các học phần đồ án phát triển năng lực nghề nghiệp cần tích hợp nội dung của 09 module bồi dưỡng theo chương trình Giáo dục phổ thông mới.

**3. Ý kiến của ThS. Trần Thị Phương Thảo:** Học phần ICT trong giáo dục (Hoặc tên Công nghệ giáo dục) được bố trí 4 tín chỉ, xây dựng như một học phần đồ án phát triển kỹ năng nghề nghiệp. Học phần này được bố trí ở học kì 4, sau khi sinh viên học xong học phần Tâm lý học và Giáo dục học.

**4. Ý kiến của PGS. TS. Trần Thị Ngọc Yến:** Học phần đồ án Nhập môn được bố trí 3TC, trong đó 1 TC chung cho tất cả các ngành; 2TC cho riêng từng ngành. Học phần Tâm lí học được bố trí 3TC; học phần Giáo dục học được bố trí 4TC, trong đó gồm 1 tín chỉ kiến tập ở trường phổ thông.

**5. Ý kiến của TS. Lê Thị Tuyết Hạnh:** Việc không bố trí học phần Phương pháp luận NCKH trong khung CTĐT thì phải cần tích hợp kỹ năng NCKH trong các học phần đồ án.

**6. Ý kiến của TS. Nguyễn Thị Kim Anh:** các ngành có thể bố trí học phần Đồ án tốt nghiệp riêng hoặc kết hợp với Thực tập sư phạm. Tín chỉ chung về Nhập môn sư phạm và học phần ICT trong giáo dục (hoặc Công nghệ giáo dục) sẽ do Hiệu trưởng mời giảng viên thiết kế và triển khai. Các học phần đồ án khác do các giảng viên cốt cán của các ngành thiết kế và triển khai.

**III. Kết luận của hội đồng**

Hội đồng khoa học và đào tạo Khoa SP Ngoại ngữ họp và thống nhất một số nội dung liên quan đến góp ý Khung Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Tiếng Anh (Sau rà soát)

1. Chủ nhiệm đề tài và nhóm nghiên cứu tiếp tục tổ chức các buổi seminar, sinh hoạt chuyên đề để tiến hành các nội dung trong việc rà soát, cập nhật Chương trình đào tạo.
2. Chủ nhiệm đề tài và nhóm nghiên cứu chỉnh sửa, bổ sung theo các ý kiến góp ý của Hội đồng, hoàn thiện các sản phẩm của đề tài để nghiệm thu cấp khoa theo đúng tiến độ và đạt kết quả.

Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa SP Ngoại ngữ nhất trí thông qua với 100% thành viên.

Cuộc họp kết thúc vào lúc 23.10 ngày 22 tháng 4 năm 2021, nội dung cuộc họp đã được các thành viên dự họp thông qua và cùng ký vào biên bản.

Biên bản được các thành viên nhất trí thông qua./.

|  |  |
| --- | --- |
| **Chủ trì** | **Thư ký** |
| **TS. Nguyễn Thị Kim Anh** | **ThS. Võ Thị Hồng Minh** |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH  **KHOA SƯ PHẠM NGOẠI NGỮ** | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**BIÊN BẢN HỌP**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**Thời gian:** Từ 19.30 ngày 06.05.2021 (Thứ Năm)

**Địa điểm:** Trực tuyến qua MS teams

**I. Thành phần tham dự**

1. Chủ trì: TS. Nguyễn Thị Kim Anh

2. Thư ký: ThS. Võ Thị Hồng Minh

3. Các thành viên của Hội đồng khoa học và đào tạo Khoa SP Ngoại ngữ

**II. Nội dung cuộc họp: Góp ý Khung Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Tiếng Anh (Năm 2021) (Lần 3)**

1. TS. Nguyễn Thị Kim Anh, Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo, chủ trì cuộc họp: tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần, thông qua chương trình cuộc họp.

2. TS. Nguyễn Thị Kim Anh trao đổi về các yêu cầu nghiên cứu rà soát, cập nhật chương trình đào tạo ngành Sư phạm Tiếng Anh theo tiếp cận CDIO (Năm 2021)

**Phần thảo luận các ý kiến:**

**1. Ý kiến của PGS. TS. Trần Thị Ngọc Yến:**

- Việc hai ngành bao gồm các học phần về phát triển năng lực tiếng Anh và các học phần chuyên ngành trong nhóm 7 môn đồ án là hợp lý, theo chỉ đạo chung của nhà trường. Việc rải đều các đồ án trong suốt 4 năm cũng đã khá hợp lý. Về số lượng học phần dạy theo đồ án, không nên làm quá nhiều vì phải nhìn vào thực tế đầu vào và khả năng tự học, tự chủ của sinh viên. Nhóm cần nhắc đề xuất 7 môn theo đủ yêu cầu của nhà trường.

**2. Ý kiến của TS. Nguyễn Xuân Bình:** Các học phần dạy kỹ năng tiếng Anh là những học phần đòi hỏi sự tương tác rất lớn giữa giảng viên và sinh viên, nhất là trong bối cảnh SV khá yếu về năng lực tiếng. Do đó, vì lấy các môn như Nghe-Nói, Kỹ năng tổng hợp làm môn dạy theo đồ án, chúng ta nên lấy các môn như Ngữ âm - Âm vị, Từ vựng ngữ nghĩa. Vì trong khi làm đề án những môn này SV có thể phát triển kiến thức chuyên sâu về tiếng Anh, vừa phát triển năng lực nghiên cứu khoa học (SV lựa chọn một vấn đề về ngữ âm, từ vựng để nghiên cứu so sánh giữa tiếng Anh và tiếng Việt, hoặc làm các đề tài phân tích đặc điểm của ngữ âm-âm vị, từ vựng tiếng Anh…).

**3. Ý kiến của PGS. TS. Ngô Đình Phương:** Đối với Sư phạm Tiếng Anh, có thể chọn 3 môn theo định hướng nghiên cứu khoa học là Nhập môn ngành Sư phạm (HK1), Ngữ âm-âm vị (HK3), Từ vựng-ngữ nghĩa (HK4). Bên Ngôn ngữ Anh có thể đề xuất môn Văn hóa Anh-Mỹ vì đối với Ngôn ngữ Anh, học phần này đóng góp nhiều hơn vào CĐR so với Sư phạm Tiếng Anh

**4. Ý kiến của TS. Nguyễn Thị Kim Anh:** Đối với 4 học phần hướng tới phát triển năng lực nghề nghiệp, đề xuất lấy ICT trong giáo dục , Kỹ thuật giảng dạy 1, và Thiết kế chương trình và phát triển học liệu, là khá hợp lý. Còn môn Kỹ thuật giảng dạy 2 có thể thay bằng Kiểm tra đánh giá (có thể phải đổi kỳ học để đảm bảo mỗi kỳ không có quá nhiều đồ án). Vì yêu cầu nhà trường là 4 môn này phải tích hợp được 9 modules trong đào tạo giáo viên PT, cho nên kỹ thuật giảng dạy đã là nói về PPGD, mà chưa có hợp phần Kiểm tra đánh giá, vì thế ta đổi một trong hai môn Kỹ thuật giảng dạy thành KTĐG để đảm bảo yêu cầu này.

**5. Ý kiến của ThS. Võ Thị Hồng Minh:** Không nên bỏ môn Action research và PPGD tiếng Anh tiểu học vào chung với 3 môn tiếng Anh du lịch, văn phòng và kinh tế, vì 2 môn này rõ ràng không parallel về năng lực đầu ra với 3 môn còn lại.

**III. Kết luận của hội đồng**

Hội đồng khoa học và đào tạo Khoa SP Ngoại ngữ họp và thống nhất một số nội dung liên quan đến góp ý Khung Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Tiếng Anh (Lần 3)

1. Chủ nhiệm đề tài và nhóm nghiên cứu tiếp tục tổ chức các buổi seminar, sinh hoạt chuyên đề để tiến hành các nội dung trong việc rà soát, cập nhật Chương trình đào tạo.
2. Chủ nhiệm đề tài và nhóm nghiên cứu chỉnh sửa, bổ sung theo các ý kiến góp ý của Hội đồng, hoàn thiện các sản phẩm của đề tài để nghiệm thu cấp khoa theo đúng tiến độ và đạt kết quả.

Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa SP Ngoại ngữ nhất trí thông qua với 100% thành viên.

Cuộc họp kết thúc vào lúc 23.10 ngày 06 tháng 5 năm 2021, nội dung cuộc họp đã được các thành viên dự họp thông qua và cùng ký vào biên bản.

Biên bản được các thành viên nhất trí thông qua./.

|  |  |
| --- | --- |
| **Chủ trì** | **Thư ký** |
| **TS. Nguyễn Thị Kim Anh** | **ThS. Võ Thị Hồng Minh** |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

**KHOA SƯ PHẠM NGOẠI NGỮ**

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH SƯ PHẠM TIẾNG ANH (Dự kiến)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã học phần** | **Tên học phần** | **Loại học phần(1)** | **Số tín chỉ** | **Số tiết(2)** | | | | **Mô đun** | **Phân kỳ** |  |
| **LT** | **TH** | **TL/ BT** | **ĐA** |  |
| 1 | ENG30002 | Nhập môn ngành SP tiếng Anh | 🞨 | 3 | 30 | 0 | 0 | 15 | GDĐC | 1 | **15** |
| 2 | ENG20001 | Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 1 | 🞨 | 6 | 60 | 0 | 30 | 0 | GDĐC | 1 |  |
| 3 | POL10001 | Triết học Mác-Lênin | 🞨 | 3 | 30 | 0 | 15 | 0 | GDĐC | 1 |  |
| 4 | INF20002 | Tin học | 🞨 | 3 | 30 | 15 | 0 | 0 | GDĐC | 1 |  |
| 5 | POL10003 | Kinh tế chính trị Mác-Lênin | 🞨 | 2 | 20 | 0 | 10 | 0 | GDĐC | 2 | 17 |
| 6 | ENG20002 | Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 2 | 🞨 | 6 | 40 | 0 | 30 | 20 | GDĐC | 2 |  |
| 7 | ENG30008 | Ngữ pháp | 🞨 | 3 | 30 | 0 | 15 | 0 | GDĐC | 2 |  |
| 8 | PRE30001 | Ngoại ngữ 2 – HP 1 | 🞨 | 3 | 30 | 0 | 15 | 0 | GDĐC | 2 |  |
| 9 |  | Tâm lý học | 🞨 | 3 | 30 | 0 | 15 | 0 | GDCN | 2 |  |
| 10 |  | Chủ nghĩa xã hội khoa học | 🞨 | 2 | 20 | 0 | 10 | 0 | GDĐC | 3 | 19 |
| 11 | ENG20003 | Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 3 | 🞨 | 6 | 40 | 0 | 30 | 20 | GDĐC | 3 |  |
| 12 | ENG30007 | Ngữ âm - âm vị tiếng Anh | 🞨 | 3 | 30 | 0 | 15 | 0 | GDCN | 3 |  |
| 13 | PRE30002 | Ngoại ngữ 2 – HP 2 | 🞨 | 4 | 45 | 0 | 15 | 0 | GDĐC | 3 |  |
| 14 |  | **Giáo dục học** | 🞨 | 4 | 30 | 15 | 15 | 0 | GDCN | 3 |  |
| 15 | ENG30004 | Đọc - Viết tiếng Anh 1 | 🞨 | 4 | 45 | 0 | 15 | 0 | GDCN | 4 | 19 |
| 16 | ENG30006 | Nghe - Nói tiếng Anh 1 | 🞨 | 4 | 25 | 0 | 20 | 15 | GDCN | 4 |  |
| 17 | ENG30017 | Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Anh | 🞨 | 3 | 30 | 0 | 15 | 0 | GDCN | 4 |  |
| 18 | ENG3005 | Lý luận về PPDH tiếng Anh | 🞨 | 2 | 30 | 0 | 15 | 0 | GDCN | 4 |  |
| 19 |  | ICT trong GD | 🞨 | 4 | 25 | 0 | 20 | 15 | GDCN | 4 |  |
| 20 |  | Lịch sử Đảng CSVN | 🞨 | 2 | 20 | 0 | 10 | 0 | GDĐC | 4 |  |
| 21 | ENG30013 | Đọc - Viết tiếng Anh 2 | 🞨 | 4 | 45 | 0 | 15 | 0 | GDCN | 5 | 18 |
| 22 | ENG30016 | Nghe - Nói tiếng Anh 2 | 🞨 | 4 | 25 | 0 | 20 | 15 | GDCN | 5 |  |
| 23 | ENG30003 | Văn hóa Anh – Mỹ | 🞨 | 4 | 45 | 0 | 0 | 15 | GDCN | 5 |  |
| 24 | ENG30012 | Kỹ thuật và thực hành GD tiếng Anh 1 | 🞨 | 4 | 30 | 15 | 0 | 15 | GDCN | 5 |  |
| 25 | POL10002 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | **🞨** | 2 | 20 | 0 | 10 | 0 | GDĐC | 5 |  |
| 26 | ENG30021 | Đọc - Viết tiếng Anh 3 | 🞨 | 4 | 45 | 0 | 15 | 0 | GDCN | 6 | 17 |
| 27 | ENG30023 | Nghe - Nói tiếng Anh 3 | 🞨 | 4 | 25 | 0 | 20 | 15 | GDCN | 6 |  |
| 28 | ENG30035 | Kỹ thuật và thực hành giảng dạy tiếng Anh 2 | 🞨 | 4 | 30 | 15 | 0 | 15 | GDCN | 6 |  |
| 29 |  | Viết khoa học | 🞨 | 2 | 30 | 0 | 0 | 0 | GDCN | 6 |  |
| 30 | **Tự chọn 1** (chọn 1 trong 3 học phần) | | | | | | | | | 6 |  |
| *ENG30025* | *Ngôn ngữ học đối chiếu* |  | 3 | 30 | 0 | 15 | 0 | GDCN |  |  |
| *ENG30026* | *Phân tích diễn ngôn* |  | 3 | 30 | 0 | 15 | 0 |  |
| *ENG30029* | *Ngữ dụng học* |  | 3 | 30 | 0 | 15 | 0 |  |
| 31 | ENG30012 | Biên dịch | 🞨 | 3 | 30 | 0 | 15 | 0 | GDCN | 7 | 16 |
| 32 | ENG30022 | Kiểm tra đánh giá ngoại ngữ | 🞨 | 3 | 30 | 0 | 15 |  | GDCN | 7 |  |
| 33 | ENG30037 | Tiếng Anh nâng cao | 🞨 | 3 | 30 | 0 | 15 | 0 | GDCN | 7 |  |
| 34 | ENG30027 | Thiết kế chương trình và phát triển học liệu | 🞨 | 4 | 30 | 0 | 15 | 15 | GDCN | 7 |  |
| 35 | **Tự chọn 2** (chọn 1 trong 5 học phần) | | | | | | | | | 7 |  |
| ENG30009 | *Tiếng Anh du lịch* |  | 3 | 30 | 0 | 15 | 0 | GDCN |  |  |
| ENG30010 | *Tiếng Anh văn phòng* |  | 3 | 30 | 0 | 15 | 0 |  |
| ENG30011 | *Tiếng Anh kinh tế* |  | 3 | 30 | 0 | 15 | 0 |  |
|  | *PPGD Tiếng Anh Tiểu học* |  | 3 | 30 | 0 | 15 | 0 |  |
|  | *Nghiên cứu hành động (Action Research)* |  | 3 | 30 | 0 | 15 | 0 |  |
| 36 | ENG30040 | Thực tập sư phạm | 🞨 | 5 | 0 | 75 | 0 | 0 | GDCN | 8 | 5 |
| **Cộng:** | | |  | **126** |  |  |  |  |  |  |  |

**Số tín chỉ và số học phần trong mỗi học kỳ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Học Kỳ** | **Số tín chỉ** | **Số học phần** |
| 1 | 15 | 4 |
| 2 | 17 | 5 |
| 3 | 19 | 5 |
| 4 | 19 | 6 |
| 5 | 18 | 5 |
| 6 | 17 | 5 |
| 7 | 16 | 5 |
| 8 | 5 | 1 |
| **TỔNG** | **126** | **36** |

**DANH SÁCH CÁC HỌC PHẦN DỰ KIẾN DẠY THEO ĐỒ ÁN/ĐỀ ÁN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã học phần** | **Tên học phần** | **Số tín chỉ** | **Học kỳ** |
| 1 | ENG30002 | Nhập môn ngành SP tiếng Anh | 3 | 1 |
| 2 | ENG20002 | Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 2 | 6 | 2 |
| 3 | ENG20003 | Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 3 | 6 | 3 |
| 4 | ENG30006 | Nghe - Nói tiếng Anh 1 | 4 | 4 |
| 5 |  | ICT trong giáo dục | 4 | 4 |
| 6 | ENG30016 | Nghe - Nói tiếng Anh 2 | 4 | 5 |
| 7 | ENG30003 | Văn hóa Anh – Mỹ | 4 | 5 |
| 8 | ENG30012 | Kỹ thuật và thực hành GD tiếng Anh 1 | 4 | 5 |
| 9 | ENG30023 | Nghe - Nói tiếng Anh 3 | 4 | 6 |
| 10 | ENG30035 | Kỹ thuật và thực hành giảng dạy tiếng Anh 2 | 4 | 6 |
| 11 | ENG30027 | Thiết kế chương trình và phát triển học liệu | 4 | 7 |
| *Quy định học phần dạy học theo đồ án/đề án là những học phần có 4 tín chỉ trở lên ngoại trừ HP Nhập môn ngành SP Tiếng Anh.* | | | | |

**Số tín chỉ theo khối kiến thức**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Kiến thức chung và nhóm ngành SP** | | **32 (25.40%)** |
| 1 | POL10001 | Triết học Mác-Lênin | 3 |
| 2 | POL10003 | Kinh tế chính trị Mác-Lênin | 2 |
| 3 |  | Chủ nghĩa xã hội khoa học | 2 |
| 4 |  | Lịch sử Đảng CSVN | 2 |
| 5 | POL10002 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 2 |
| 6 | PRE30001 | Ngoại ngữ 2 – HP 1 | 3 |
| 7 | PRE30002 | Ngoại ngữ 2 – HP 2 | 4 |
| 8 | ENG30002 | Nhập môn sư phạm | 3 |
| 9 |  | Tâm lý học | 3 |
| 10 |  | Giáo dục học | 4 |
| 11 |  | ICT trong giáo dục | 4 |
|  | **Kiến thức nhóm ngành Tiếng Anh** | | **64 (69.84%)** |
| 12 | ENG20001 | Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 1 | 6 |
| 13 | ENG20002 | Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 2 | 6 |
| 14 | ENG20003 | Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 3 | 6 |
| 15 | ENG30008 | Ngữ pháp | 3 |
| 16 | ENG30017 | Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Anh | 3 |
| 17 |  | Biên dịch | 3 |
| 18 | ENG30007 | Ngữ âm - âm vị tiếng Anh | 3 |
| 19 | ENG30003 | Văn hóa Anh - Mỹ | 4 |
| 20 | ENG30004 | Đọc - Viết tiếng Anh 1 | 4 |
| 21 | ENG30006 | Nghe - Nói tiếng Anh 1 | 4 |
| 22 | ENG30013 | Đọc - Viết tiếng Anh 2 | 4 |
| 23 | ENG30016 | Nghe - Nói tiếng Anh 2 | 4 |
| 24 | ENG30021 | Đọc - Viết tiếng Anh 3 | 4 |
| 25 | ENG30023 | Nghe - Nói tiếng Anh 3 | 4 |
| 26 | ENG30037 | Tiếng Anh nâng cao | 3 |
| 27 |  | Tự chọn 1 | 3 |
|  | **Kiến thức chuyên ngành** | | **30 (30.15%)** |
| 28 |  | Viết khoa học | 2 |
| 29 |  |  | 3 |
| 30 |  | Lý luận về PPDH tiếng Anh | 2 |
| 31 |  | Kỹ thuật và thực hành GD tiếng Anh 1 | 4 |
| 32 |  | Kỹ thuật và thực hành GD tiếng Anh 2 | 4 |
| 33 |  | Kiểm tra đánh giá ngoại ngữ | 3 |
| 34 |  | Thiết kế chương trình và phát triển học liệu | 4 |
| 35 |  | Tự chọn 2 | 3 |
| 36 | ENG30040 | Thực tập tốt nghiệp | 5 |
| **Tổng** | | | **126** |
| **Số tín chỉ (tỷ lệ) liên thông với ngành Sư phạm Tiếng Anh** | | | **85TC (54.77%)** |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH  **KHOA SƯ PHẠM NGOẠI NGỮ** | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**BIÊN BẢN HỌP**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**Thời gian:** Từ 19.30 ngày 29.05.2021

**Địa điểm:** Trực tuyến qua MS teams

**I. Thành phần tham dự**

1. Chủ trì: TS. Nguyễn Thị Kim Anh

2. Thư ký: ThS. Võ Thị Hồng Minh

3. Các thành viên của Hội đồng khoa học và đào tạo Khoa SP Ngoại ngữ

**II. Nội dung cuộc họp:**

**-** Góp ý Khung Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Tiếng Anh (Năm 2021) (Lần 4)

- Góp ý Chương trình đào tạo ngành phụ (Tiếng Anh thương mại, Tiếng Anh Du lịch, Tiếng Trung, Phương pháp giảng dạy tiếng Anh tiểu học)

- Góp ý Chuẩn đầu ra, Khung CTĐT Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh

1. TS. Nguyễn Thị Kim Anh, Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo, chủ trì cuộc họp: tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần, thông qua chương trình cuộc họp.

2. TS. Nguyễn Thị Kim Anh trao đổi về các yêu cầu, tập trung vào việc rà soát, chỉnh sửa, điều chỉnh, bổ sung Chương trình đào tạo chính quy ngành Ngôn ngữ Anh và Sư phạm Tiếng Anh áp dụng từ K62.

**Phần thảo luận các ý kiến:**

**1. Ý kiến của TS. Nguyễn Thị Kim Anh:** Giao cho hai chủ nhiệm đề tài tổng hợp báo cáo Rà soát Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh và Sư phạm Tiếng Anh, trình bày kế hoạch thực hiện và khung chương trình dự kiến (sau điều chỉnh). Trong đó lưu ý:

+ Khung CTĐT phải đảm bảo được tính cập nhật, liên thông và đáp ứng được yêu cầu của các nhà tuyển dụng; trong đó, chú ý đến việc phát triển năng lực chuyên môn gắn với vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp của người học.

+ Tăng cường các học phần được dạy học theo hình thức đồ án, dự án

+ Deadline: 30/6/2021.

**2. Ý kiến của TS. Nguyễn Xuân Bình:** Các Bộ môn và các nhóm biên soạn hoàn thành bản mô tả Chương trình đào tạo kèm theo Khung chương trình đào tạo ngành phụ. với số lượng tín chỉ tối thiểu là 15 TC. Cụ thể: Tiếng Anh Thương mại (Ngành chính: Ngôn ngữ Anh); Tiếng Anh Du lịch (Ngành chính: Ngôn ngữ Anh); Song ngữ Anh- Trung (Ngành chính: Ngôn ngữ Anh); Sư phạm Tiếng Anh tiểu học (Ngành chính: Sư phạm Tiếng Anh). **3. Ý kiến của ThS. Hoàng Tăng Đức:** Đối với Chương trình đào tạo Sư phạm tiếng Anh chất lượng cao, BCN Khoa và nhóm biên soạn tiếp tục trao đổi, xin ý kiến chỉ đạo từ phòng Đào tạo để hoàn thành các nội dung tiếp theo.

**4. Ý kiến của TS. Nguyễn Duy Bình:** Bộ môn Biên phiên dịch hoàn thành các nội dung liên quan đến việc mở mã ngành Đào tạo quốc tế học, cụ thể:

- Rà soát lại mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra, Khung chương trình trên cơ sở góp ý của các thành viên Hội đồng.

- Tiến hành khảo sát nhu cầu đào tạo của ngành Quốc tế học. (Deadline: 15/6/2021)

- Tiến hành khảo sát ý kiến các bên liên quan về mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra, Khung chương trình đào tạo ngành Quốc tế học. Deadline: 20/6/2021

**4. Ý kiến của TS. Nguyễn Hữu Quyết:** Hoàn thiện Đề án Ngôn ngữ Anh (Văn bằng 2) trên cơ sở góp ý của các thành viên Hội đồng; tập trung vào Khung quy đổi chương trình/ nội dung đào tạo của các đối tượng người học khác nhau. Deadline: 20/6/2021.

**III. Kết luận của hội đồng**

Hội đồng khoa học và đào tạo Khoa SP Ngoại ngữ họp và thống nhất một số nội dung:

1. Giao cho hai chủ nhiệm đề tài tổng hợp báo cáo Rà soát Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh và Sư phạm Tiếng Anh, trình bày kế hoạch thực hiện và khung chương trình dự kiến (sau điều chỉnh).
2. Giao cho các Bộ môn và cá nhân phụ trách Chương trình đào tạo ngành phụ hoàn thiện Bản mô tả và Khung Chương trình đào tạo các ngành phụ
3. Các Chủ nhiệm đề tài và nhóm nghiên cứu Đề án mở mã ngành chỉnh sửa, bổ sung theo các ý kiến góp ý của Hội đồng, hoàn thiện các sản phẩm của đề tài để nghiệm thu cấp khoa theo đúng tiến độ và đạt kết quả.

Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa SP Ngoại ngữ nhất trí thông qua với 100% thành viên.

Cuộc họp kết thúc vào lúc 23.10 ngày 29 tháng 5 năm 2021, nội dung cuộc họp đã được các thành viên dự họp thông qua và cùng ký vào biên bản.

Biên bản được các thành viên nhất trí thông qua./.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chủ trì** | | **Thư ký** | |
| **TS. Nguyễn Thị Kim Anh** | | **ThS. Võ Thị Hồng Minh** | |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH  **KHOA SƯ PHẠM NGOẠI NGỮ** | | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | |

**BIÊN BẢN HỌP**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**Thời gian:** Từ 7.30 ngày 05.8.2021 (Thứ Năm)

**Địa điểm:** Trực tuyến qua MS teams

**I. Thành phần tham dự**

1. Chủ trì: TS. Nguyễn Thị Kim Anh

2. Thư ký: ThS. Võ Thị Hồng Minh

3. Các thành viên của Hội đồng khoa học và đào tạo Khoa SP Ngoại ngữ

**II. Nội dung cuộc họp: Thông qua Chuẩn đầu ra, Khung Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh (Sau rà soát)**

1. TS. Nguyễn Thị Kim Anh, Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo, chủ trì cuộc họp: tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần, thông qua chương trình cuộc họp.

2. TS. Nguyễn Thị Kim Anh trao đổi về các yêu cầu nghiên cứu rà soát, cập nhật chương trình đào tạo ngành Sư phạm Tiếng Anh theo tiếp cận CDIO (Năm 2021)

3. Sau khi nghe chủ nhiệm đề tài trình bày Chuẩn đầu ra, Khung Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh, Hội đồng đã thảo luận và cho ý kiến:

- Hội đồng đã tổ chức nhiều phiên họp góp ý kiến cho Chuẩn đầu ra và Khung CTĐT các ngành

- Nhóm nghiên cứu đã tiến hành chỉnh sửa, bổ sung, điều chỉnh Chuẩn đầu ra và Khung CTĐT các ngành dựa trên góp ý của các hội đồng và tham vấn ý kiến của các bên liên quan

**III. Kết luận của hội đồng**

Hội đồng khoa học và đào tạo Khoa SP Ngoại ngữ họp và thống nhất:

1. Trình Hội đồng khoa học và đào tạo Trường Đại học Vinh nghiệm thu Chuẩn đầu ra và Khung Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Tiếng Anh (sau rà soát)
2. Trình Hội đồng khoa học và đào tạo Trường Đại học Vinh nghiệm thu Chuẩn đầu ra và Khung Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh (Sau rà soát)

Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa SP Ngoại ngữ nhất trí thông qua với 100% thành viên.

Cuộc họp kết thúc vào lúc 10.15 ngày 05 tháng 8 năm 2021, nội dung cuộc họp đã được các thành viên dự họp thông qua và cùng ký vào biên bản.

Biên bản được các thành viên nhất trí thông qua./.

|  |  |
| --- | --- |
| **Chủ trì** | **Thư ký** |
| **TS. Nguyễn Thị Kim Anh** | **ThS. Võ Thị Hồng Minh** |
|  |  |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

**KHOA SƯ PHẠM NGOẠI NGỮ**

**MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

**NGÀNH: SƯ PHẠM TIẾNG ANH**

**1. Thông tin chung về ngành Sư phạm tiếng Anh**

1. Tên ngành

Tên tiếng Việt: Sư phạm tiếng Anh

Tên tiếng Anh: English Language Teacher Education

2. Mã số ngành đào tạo: 7140231

3. Trình độ đào tạo: Đại học

4. Thời gian đào tạo: 4 năm

5. Tên văn bằng sau tốt nghiệp:

Tên tiếng Việt: Cử nhân Sư phạm tiếng Anh

Tên tiếng Anh: Bachelor of Art in English Language Teacher Education

6. Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Khoa Sư phạm Ngoại ngữ

**2. Mục tiêu đào tạo**

**2.1. Mục tiêu tổng quát**

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Sư phạm tiếng Anh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có: kiến thức và kỹ năng tiếng Anh trình độ Bậc 5 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; phẩm chất nhà giáo và năng lực giao tiếp-hợp tác trong môi trường đa văn hóa; năng lực sử dụng các phương pháp dạy học môn tiếng Anh; và năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện, đánh giá và phát triển chương trình tiếng Anh ở cấp trung học phổ thông đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của đất nước.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

**Mục tiêu 1:** Vận dụng kiến thức và lập luận ngành trong hoạt động giáo dục và đào tạo

**Mục tiêu 2:** Thể hiện kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp trong môi trường giáo dục và đào tạo

**Mục tiêu 3:** Vận dụng kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp trong môi trường giáo dục đa văn hóa

**Mục tiêu 4:** Thể hiện năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và phát triển chương trình môn tiếng Anh cấp THPT

**3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo**

**3.1. Chuẩn đầu ra cấp độ 2**

1. Vận dụng kiến thức và lập luận ngành trong hoạt động giáo dục và đào tạo

1.1. Vận dụng kiến thức cơ bản về văn hóa, lý luận chính trị, tâm lý học, giáo dục học, CNTT, và kiến thức ngành sư phạm vào hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống

1.2. Vận dụng kiến thức cơ sở ngành về ngôn ngữ Anh, văn hóa, chính trị - xã hội và lý luận ngôn ngữ Anh vào thực tế dạy học môn tiếng Anh cấp THPT

1.3. Vận dụng kiến thức chuyên ngành sư phạm tiếng Anh trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học, kiểm tra đánh giá và phát triển chương trình và học liệu dạy học môn tiếng Anh cấp THPT

**2. Thể hiện kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp trong môi trường giáo dục và đào tạo**

2.1. Lập luận, phân tích và giải quyết vấn đề liên quan đến giáo dục và dạy học môn tiếng Anh cấp THPT

2.2. Vận dụng tư duy hệ thống thông qua các hoạt động dạy học môn tiếng Anh cấp THPT

2.3. Thể hiện kỹ năng và thái độ tích cực trong phát triển nghề nghiệp, tinh thần tự học – học suốt đời và nghiên cứu khoa học

**3. Vận dụng kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp trong môi trường giáo dục đa văn hóa**

3.1. Thể hiện kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả trong môi trường giáo dục - đào tạo và môi trường đa văn hóa

3.2. Vận dụng chiến lược, kỹ năng, phương thức giao tiếp hiệu quả

3.3. Sử dụng ngoại ngữ 2 trong giao tiếp

**4. Thể hiện năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và phát triển chương trình môn tiếng Anh cấp THPT**

4.1. Nhận diện bối cảnh xã hội, các tổ chức giáo dục, ngành giáo dục và ngành Sư phạm tiếng Anh

4.2. Hình thành ý tưởng dạy học, giáo dục môn Tiếng Anh cấp THPT

4.3. Thiết kế chương trình dạy học, giáo dục của môn Tiếng Anh cấp THPT

4.4. Thực hiện chương trình dạy học, giáo dục của môn Tiếng Anh cấp THPT

4.5. Phát triển chương trình dạy học, giáo dục của môn Tiếng Anh cấp THPT

**3.2. Chuẩn đầu ra cấp độ 3**

**1. Vận dụng kiến thức và lập luận ngành trong hoạt động giáo dục và đào tạo**

***1.1. Vận dụng kiến thức cơ bản về văn hóa, lý luận chính trị, tâm lý học, giáo dục học, CNTT, và kiến thức ngành sư phạm vào hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống***

1.1.1. Vận dụng những vấn đề cơ bản về văn hóa, chính trị học trong hoạt động nghề nghiệp

1.1.2. Vận dụng kiến thức ngành sư phạm, tâm lý học và giáo dục học trong hoạt động hoạt động nghề nghiệp

1.1.3. Vận dụng kiến thức công nghệ thông tin trong học tập, giảng dạy và nghiên cứu

***1.2. Vận dụng kiến thức cơ sở ngành về ngôn ngữ Anh, văn hóa, chính trị - xã hội và lý luận ngôn ngữ Anh vào thực tế dạy học môn tiếng Anh cấp THPT***

1.2.1. Vận dụng kiến thức tiếng Anh tổng quát bậc 5 (Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam), kiến thức tiếng Anh chuyên sâu

1.2.2. Vận dụng kiến thức về lý luận ngôn ngữ Anh, giao văn hóa, văn học Anh và kỹ năng chuyển dịch ngôn ngữ Anh-Việt, Việt-Anh

1.2.3. Vận dụng kiến thức tiếng Anh chuyên ngành du lịch, kinh tế, văn phòng

***1.3. Vận dụng kiến thức chuyên ngành sư phạm tiếng Anh trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học, kiểm tra đánh giá và phát triển chương trình và học liệu dạy học môn tiếng Anh cấp THPT***

1.3.1. Vận dụng kiến thức lý luận PPGD và kỹ năng giảng dạy tiếng Anh

1.3.2. Vận dụng kiến thức về kiểm tra đánh giá môn tiếng Anh

1.3.3. Vận dụng kiến thức viết khoa học để thực hiện các nghiên cứu về khoa học chuyên ngành Tiếng Anh

1.3.4. Vận dụng kiến thức về phát triển chương trình tiếng Anh bậc THPT

**2. Thể hiện kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp trong môi trường giáo dục và đào tạo**

***2.1. Lập luận, phân tích và giải quyết vấn đề liên quan đến giáo dục và dạy học môn tiếng Anh cấp THPT***

2.1.1. Nhận diện và nêu vấn đề

2.1.2. Phân tích và đánh giá vấn đề

2.1.3. Triển khai giải pháp và đề xuất

***2.2. Vận dụng tư duy hệ thống thông qua các hoạt động dạy học môn tiếng Anh cấp THPT***

2.2.1. Phác thảo hệ thống giáo dục quốc dân

2.2.2. Xác định tương tác giữa cá nhân và tổ chức trong trường THPT

2.2.3. Phân tích vấn đề theo thứ tự ưu tiên và lôgíc

2.2.4. Giải quyết cân bằng giữa các yếu tố

***2.3. Thể hiện kỹ năng và thái độ tích cực trong phát triển nghề nghiệp, tinh thần tự học – học suốt đời và nghiên cứu khoa học***

2.3.1. Thể hiện tư duy phản biện và tư duy sáng tạo trong hoạt động nghề nghiệp

2.3.2. Có khả năng quản lý thời gian và nguồn lực, thích ứng sự phức tạp thực tế

2.3.3. Có khả năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác

2.3.4. Thể hiện sáng kiến và bảo vệ ý kiến

2.3.5. Thể hiện tính kiên trì, quyết tâm, linh hoạt

2.3.6. Thể hiện sự chủ động học tập, nghiên cứu và cập nhật tri thức

2.3.7. Thể hiện đạo đức liêm chính và trách nhiệm xã hội

2.3.8. Thể hiện sự trung thực, công bằng, hành xử chuyên nghiệp và tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp

**3. Vận dụng kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp trong môi trường giáo dục đa văn hóa**

***3.1. Thể hiện kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả trong môi trường giáo dục - đào tạo và môi trường đa văn hóa***

3.1.1. Hình thành và triển khai hoạt động nhóm

3.1.2. Duy trì và phát triển hoạt động nhóm

***3.2. Vận dụng chiến lược, kỹ năng, phương thức giao tiếp hiệu quả***

3.2.1. Vận dụng hiệu quả các chiến lược giao tiếp hữu ngôn và phi ngôn

3.2.2. Vận dụng hiệu quả phương thức giao tiếp bằng văn bản, điện tử, đa phương tiện, thuyết trình trước công chúng

***3.3. Sử dụng ngoại ngữ 2 trong giao tiếp***

3.3.1.Sử dụng tiếng Pháp bậc 3 (Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) trong giao tiếp cơ bản

**4. Thể hiện năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và phát triển chương trình môn tiếng Anh cấp THPT**

***4.1. Nhận diện bối cảnh xã hội, các tổ chức giáo dục, ngành giáo dục và ngành Sư phạm tiếng Anh***

4.1.1. Nhận diện bối cảnh của xã hội và bối cảnh hội nhập quốc tế của đất nước

4.1.2. Hiểu biết văn hóa trường học, sứ mệnh, tầm nhìn, chiến lược phát triển, cơ hội và thách thức của nhà trường

4.1.3. Nhận diện được tác động của ngành Sư phạm tiếng Anh Anh đối với xã hội và nhu cầu hội nhập quốc tế của đất nước

4.1.4. Xác định được vai trò, trách nhiệm của Cử nhân Sư phạm tiếng Anh và những quy định trong lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp

***4.2. Hình thành ý tưởng dạy học, giáo dục môn Tiếng Anh cấp THPT***

4.2.1. Xác định mục tiêu dạy học và giáo dục

4.2.2. Xác định nhiệm vụ, nguyên tắc, nội dung và quy trình dạy học và giáo dục

4.2.3. Phác thảo kế hoạch dạy học giáo dục và hướng nghiệp cho học sinh

***4.3. Thiết kế chương trình dạy học, giáo dục của môn Tiếng Anh cấp THPT***

4.3.1. Thiết kế chương trình dạy học và giáo dục

4.3.2. Phân tích chương trình dạy học và giáo dục

4.3.3. Lựa chọn chương trình dạy học và giáo dục phù hợp

***4.4. Thực hiện chương trình dạy học, giáo dục của môn Tiếng Anh cấp THPT***

4.4.1. Thực hiện kế hoạch dạy học và giáo dục

4.4.2. Giám sát, kiểm tra, đánh giá hoạt động dạy học và giáo dục

4.4.3. Tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, tư vấn, hỗ trợ tâm lý và hướng nghiệp

***4.5. Phát triển chương trình dạy học, giáo dục của môn Tiếng Anh cấp THPT***

4.5.1. Phát hiện, phân tích và giải quyết các vấn đề phát sinh trong dạy học và giáo dục

4.5.2. Đánh giá hiệu quả hoạt động dạy học và giáo dục

4.5.3. Cải tiến và phát triển chương trình dạy học và giáo dục

4. Cơ hội việc làm và phát triển nghề nghiệp

4.1. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp ngành Sư phạm tiếng Anh có thể đảm nhận các vị trí nghề nghiệp như:

* làm giáo viên tiếng Anh ở trường phổ thông và các cơ sở đào tạo tiếng Anh trong hệ thống giáo dục quốc dân và quốc tế
* làm giảng viên tiếng Anh ở trường trung học chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học
* làm việc trong lĩnh vực chuyên môn khác yêu cầu về kiến thức văn hóa, xã hội và khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh

4.2. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp ngành Sư phạm tiếng Anh có khả năng:

* tiếp tục học tập nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp
* tham gia chương trình đào tạo sau đại học tại các cơ sở đào tạo trong nước và quốc tế

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

**KHOA SƯ PHẠM NGOẠI NGỮ**

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH SƯ PHẠM TIẾNG ANH**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã học phần** | **Tên học phần** | **Loại học phần(1)** | **Số tín chỉ** | **Số tiết(2)** | | | | **Mô đun** | **Phân kỳ** |
| **LT** | **TH** | **TL/ BT** | **ĐA** |
| 1 | EDU20001 | Nhập môn ngành sư phạm | 🞨 | 3 | 30 | 0 | 0 | 15 | GDĐC | 1 |
| 2 | ENG20001 | Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 1 | 🞨 | 6 | 60 | 0 | 30 | 0 | GDĐC | 1 |
| 3 | POL10001 | Triết học Mác-Lênin | 🞨 | 3 | 30 | 0 | 15 | 0 | GDĐC | 1 |
| 4 |  | Cơ sở văn hóa Việt Nam | 🞨 | 3 | 30 | 15 | 0 | 0 | GDĐC | 1 |
| 5 | POL10003 | Kinh tế chính trị Mác-Lênin | 🞨 | 2 | 20 | 0 | 10 | 0 | GDĐC | 2 |
| 6 | ENG20002 | Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 2 | 🞨 | 6 | 60 | 0 | 30 | 0 | GDĐC | 2 |
| 7 | ENG30008 | Ngữ pháp | 🞨 | 3 | 30 | 0 | 15 | 0 | GDĐC | 2 |
| 8 | PRE30001 | Ngoại ngữ 2 – HP 1 | 🞨 | 3 | 30 | 0 | 15 | 0 | GDĐC | 2 |
| 9 | EDU20003 | Tâm lý học | 🞨 | 3 | 30 | 0 | 15 | 0 | GDCN | 2 |
| 10 | POL11003 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | 🞨 | 2 | 20 | 0 | 10 | 0 | GDĐC | 3 |
| 11 | ENG20003 | Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 3 | 🞨 | 6 | 60 | 0 | 30 | 0 | GDĐC | 3 |
| 12 | ENG30007 | Ngữ âm - âm vị tiếng Anh | 🞨 | 3 | 30 | 0 | 15 | 0 | GDCN | 3 |
| 13 | PRE30002 | Ngoại ngữ 2 – HP 2 | 🞨 | 4 | 45 | 0 | 15 | 0 | GDĐC | 3 |
| 14 | EDU20006 | Giáo dục học | 🞨 | 4 | 30 | 15 | 15 | 0 | GDCN | 3 |
| 15 | ENG30004 | Đọc - Viết tiếng Anh 1 | 🞨 | 4 | 45 | 0 | 15 | 0 | GDCN | 4 |
| 16 | ENG30006 | Nghe - Nói tiếng Anh 1 | 🞨 | 4 | 45 | 0 | 15 | 0 | GDCN | 4 |
| 17 | ENG30017 | Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Anh | 🞨 | 3 | 30 | 0 | 15 | 0 | GDCN | 4 |
| 18 | ENG30015 | Lý luận về PPDH tiếng Anh | 🞨 | 2 | 30 | 0 | 15 | 0 | GDCN | 4 |
| 19 |  | Công nghệ trong GD | 🞨 | 4 | 25 | 0 | 20 | 15 | GDCN | 4 |
| 20 | POL11004 | Lịch sử Đảng CSVN | 🞨 | 2 | 20 | 0 | 10 | 0 | GDĐC | 4 |
| 21 | ENG30013 | Đọc - Viết tiếng Anh 2 | 🞨 | 4 | 45 | 0 | 15 | 0 | GDCN | 5 |
| 22 | ENG30016 | Nghe - Nói tiếng Anh 2 | 🞨 | 4 | 45 | 0 | 15 | 0 | GDCN | 5 |
| 23 | ENG30003 | Văn hóa Anh – Mỹ | 🞨 | 4 | 45 | 0 | 0 | 15 | GDCN | 5 |
| 24 |  | Kỹ thuật và thực hành GD tiếng Anh 1 | 🞨 | 4 | 30 | 15 | 0 | 15 | GDCN | 5 |
| 25 | POL10002 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | **🞨** | 2 | 20 | 0 | 10 | 0 | GDĐC | 5 |
| 26 | ENG30021 | Đọc - Viết tiếng Anh 3 | 🞨 | 4 | 45 | 0 | 15 | 0 | GDCN | 6 |
| 27 | ENG30023 | Nghe - Nói tiếng Anh 3 | 🞨 | 4 | 45 | 0 | 15 | 0 | GDCN | 6 |
| 28 | ENG30034 | Kỹ thuật và thực hành giảng dạy tiếng Anh 2 | 🞨 | 4 | 30 | 15 | 0 | 15 | GDCN | 6 |
| 29 |  | Viết khoa học | 🞨 | 2 | 30 | 0 | 0 | 0 | GDCN | 6 |
| 30 | **Tự chọn 1** (chọn 1 trong 3 học phần) | | | | | | | | | 6 |
| *ENG30025* | Ngôn ngữ học đối chiếu |  | 3 | 30 | 0 | 15 | 0 | GDCN |  |
| *ENG30026* | Phân tích diễn ngôn |  | 3 | 30 | 0 | 15 | 0 |
| *ENG30029* | Ngữ dụng học |  | 3 | 30 | 0 | 15 | 0 |
| 31 | ENG30032 | Biên dịch | 🞨 | 3 | 30 | 0 | 15 | 0 | GDCN | 7 |
| 32 | ENG30033 | Kiểm tra đánh giá ngoại ngữ | 🞨 | 3 | 30 | 0 | 15 |  | GDCN | 7 |
| 33 | ENG30037 | Tiếng Anh học thuật | 🞨 | 3 | 30 | 0 | 15 | 0 | GDCN | 7 |
| 34 | ENG30030 | Thiết kế chương trình và phát triển học liệu | 🞨 | 4 | 30 | 0 | 15 | 15 | GDCN | 7 |
| 35 | **Tự chọn 2** (chọn 1 trong 4 học phần) | | | | | | | | | 7 |
|  | *Phương pháp dạy học tích hợp nội dung và ngôn ngữ (CLIL)* | ** | *3* | *30* | *0* | *15* | *0* | GDCN |  |
|  | *Kỹ năng tư duy phê phán trong DH Tiếng Anh* | ** | *3* | *30* | *0* | *15* | *0* |
| *ENG30028* | *PPGD Tiếng Anh Tiểu học* | ** | *3* | *30* | *0* | *15* | *0* |
|  | *Nghiên cứu hành động (Action Research)* | ** | *3* | *30* | *0* | *15* | *0* |
| 36 | ENG30039 | Thực tập sư phạm | 🞨 | 5 | 0 | 75 | 0 | 0 | GDCN | 8 |
| **Cộng:** | | |  | **126** |  |  |  |  |  |  |

**Số tín chỉ và số học phần trong mỗi học kỳ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Học Kỳ** | **Số tín chỉ** | **Số học phần** |
| 1 | 15 | 4 |
| 2 | 17 | 5 |
| 3 | 19 | 5 |
| 4 | 19 | 6 |
| 5 | 18 | 5 |
| 6 | 17 | 5 |
| 7 | 16 | 5 |
| 8 | 5 | 1 |
| **TỔNG** | **126** | **36** |

**DANH SÁCH CÁC HỌC PHẦN DỰ KIẾN DẠY THEO ĐỒ ÁN/ĐỀ ÁN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã học phần** | **Tên học phần** | **Số tín chỉ** | **Học kỳ** |
| 1 | ENG30002 | Nhập môn ngành SP tiếng Anh | 3 | 1 |
| 2 | ENG20007 | Ngữ âm - âm vị tiếng Anh | 3 | 3 |
| 3 | ENG30017 | Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Anh | 3 | 4 |
| 4 |  | Công nghệ trong GD | 4 | 4 |
| 5 | ENG30003 | Văn hóa Anh – Mỹ | 4 | 5 |
| 6 |  | Kỹ thuật và thực hành GD tiếng Anh 1 | 4 | 5 |
| 7 | ENG30034 | Kỹ thuật và thực hành giảng dạy tiếng Anh 2 | 4 | 6 |
| 8 | ENG30030 | Thiết kế chương trình và phát triển học liệu | 4 | 7 |
| *Quy định học phần dạy học theo đồ án/đề án là những học phần có 4 tín chỉ trở lên ngoại trừ HP Nhập môn ngành SP Tiếng Anh, Ngữ âm - âm vị tiếng Anh và Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Anh* | | | | |

**Số tín chỉ theo khối kiến thức**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Kiến thức chung nhóm ngành SP** | | **32 (24.21%)** |
| 1 | POL10001 | Triết học Mác-Lênin | 3 |
| 2 | POL10003 | Kinh tế chính trị Mác-Lênin | 2 |
| 3 | POL11003 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | 2 |
| 4 | POL11004 | Lịch sử Đảng CSVN | 2 |
| 5 | POL10002 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 2 |
| 6 | PRE30001 | Ngoại ngữ 2 – HP 1 | 3 |
| 7 | PRE30002 | Ngoại ngữ 2 – HP 2 | 4 |
| 8 | EDU20001 | Nhập môn sư phạm | 3 |
| 9 | EDU20003 | Tâm lý học | 3 |
| 10 | EDU20006 | Giáo dục học | 4 |
| 11 |  | ICT trong giáo dục | 4 |
|  | **Kiến thức nhóm ngành** | | **24 (19.05%)** |
| 12 | ENG20001 | Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 1 | 6 |
| 13 | ENG20002 | Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 2 | 6 |
| 14 | ENG20003 | Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 3 | 6 |
| 15 | ENG30008 | Ngữ pháp | 3 |
| 16 | ENG30017 | Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Anh | 3 |
|  | **Khối kiến thức ngành** | | **40 (31.74%)** |
| 17 | ENG30032 | Biên dịch | 3 |
| 18 | ENG30007 | Ngữ âm - âm vị tiếng Anh | 3 |
| 19 | ENG30003 | Văn hóa Anh - Mỹ | 4 |
| 20 | ENG30004 | Đọc - Viết tiếng Anh 1 | 4 |
| 21 | ENG30006 | Nghe - Nói tiếng Anh 1 | 4 |
| 22 | ENG30013 | Đọc - Viết tiếng Anh 2 | 4 |
| 23 | ENG30016 | Nghe - Nói tiếng Anh 2 | 4 |
| 24 | ENG30021 | Đọc - Viết tiếng Anh 3 | 4 |
| 25 | ENG30023 | Nghe - Nói tiếng Anh 3 | 4 |
| 26 | ENG30037 | Tiếng Anh học thuật | 3 |
| 27 |  | *Tự chọn 1* | 3 |
|  | **Kiến thức chuyên ngành** | | **30 (25%)** |
| 28 |  | Viết khoa học | 2 |
| 29 |  | Cơ sở văn hóa Việt Nam | 3 |
| 30 | ENG30015 | Lý luận về PPDH tiếng Anh | 2 |
| 31 |  | Kỹ thuật và thực hành GD tiếng Anh 1 | 4 |
| 32 | ENG30034 | Kỹ thuật và thực hành GD tiếng Anh 2 | 4 |
| 33 | ENG30033 | Kiểm tra đánh giá ngoại ngữ | 3 |
| 34 | ENG30030 | Thiết kế chương trình và phát triển học liệu | 4 |
| 35 |  | *Tự chọn 2* | 3 |
| 36 | ENG30040 | Thực tập tốt nghiệp | 5 |
| **Tổng** | | | **126** |
| **Số tín chỉ (tỷ lệ) liên thông với ngành Ngôn ngữ Anh** | | | **82TC (65.07%)** |

**HỘI ĐỒNG KHOA SƯ PHẠM NGOẠI NGỮ**

**Chủ tịch**

**TS. Nguyễn Thị Kim Anh**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

**KHOA SƯ PHẠM NGOẠI NGỮ**

**PHÂN NHIỆM GIỮA CÁC HỌC PHẦN VÀ CĐR CỦA CTĐT**

**NGÀNH SƯ PHẠM TIẾNG ANH**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bảng 3.2. Phân nhiệm giữa các học phần và CĐR của CTĐT** | | | | | | | | | | | |  |  |  |  |  |
| **TT** | **Mã HP** | **Tên học phần** | **CĐR của CTĐT** | | | | | | | | | | | | | |
| **1.1** | **1.2** | **1.3** | **2.1** | **2.2** | **2.3** | **3.1** | **3.2** | **3.3** | **4.1** | **4.2** | **4.3** | **4.4** | **4.5** |
| 1 | EDU20001 | Nhập môn ngành sư phạm | *√* |  |  | *√* |  | *√* | *√* |  |  | *√* | *√* |  |  |  |
| 2 | ENG20001 | Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 1 |  | *√* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | POL10001 | Triết học Mác-Lênin | *√* |  |  |  |  | *√* |  |  |  | *√* |  |  |  |  |
| 4 |  | Cơ sở văn hóa Việt Nam | *√* |  |  |  |  |  | *√* |  |  | *√* |  |  |  |  |
| 5 | POL10003 | Kinh tế chính trị Mác-Lênin | *√* |  |  |  |  | *√* |  |  |  | *√* |  |  |  |  |
| 6 | ENG20002 | Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 2 |  | *√* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 7 | ENG30008 | Ngữ pháp |  | *√* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | *√* |  |
| 8 | PRE30001 | Ngoại ngữ 2 – HP 1 |  |  |  |  |  |  |  | *√* | *√* |  |  |  |  |  |
| 9 | EDU20003 | Tâm lý học | *√* |  |  | *√* |  | *√* | *√* |  |  | *√* | *√* |  |  |  |
| 10 | POL11003 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | *√* |  |  |  |  | *√* |  |  |  | *√* |  |  |  |  |
| 11 | ENG20003 | Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 3 |  | *√* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 12 | ENG30007 | Ngữ âm - âm vị tiếng Anh |  | *√* |  |  |  |  | *√* | *√* |  |  |  |  | *√* |  |
| 13 | PRE30002 | Ngoại ngữ 2 – HP 2 |  |  |  |  |  |  |  | *√* | *√* |  |  |  |  |  |
| 14 | EDU20006 | Giáo dục học | *√* |  |  | *√* |  | *√* | *√* |  |  | *√* | *√* |  |  |  |
| 15 | ENG30004 | Đọc - Viết tiếng Anh 1 |  | *√* |  |  |  |  |  | *√* |  |  |  |  |  |  |
| 16 | ENG30006 | Nghe - Nói tiếng Anh 1 |  | *√* |  |  |  |  |  | *√* |  |  |  |  |  |  |
| 17 | ENG30017 | Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Anh |  | *√* |  |  |  |  | *√* | *√* |  |  |  |  | *√* |  |
| 18 | ENG30015 | Lý luận về PPDH tiếng Anh |  |  | *√* |  |  |  |  |  |  |  | *√* | *√* |  |  |
| 19 |  | Công nghệ trong GD | *√* |  |  |  |  | *√* |  | *√* |  |  |  | *√* |  |  |
| 20 | POL10002 | Lịch sử Đảng CSVN | *√* |  |  |  |  | *√* |  |  |  | *√* |  |  |  |  |
| 21 | ENG30013 | Đọc - Viết tiếng Anh 2 |  | *√* |  |  |  |  |  | *√* |  |  |  |  |  |  |
| 22 | ENG30016 | Nghe - Nói tiếng Anh 2 |  | *√* |  |  |  |  | *√* | *√* |  |  |  |  |  |  |
| 23 | ENG30003 | Văn hóa Anh – Mỹ |  | *√* |  | *√* |  |  | *√* |  |  |  |  |  |  |  |
| 24 |  | Kỹ thuật và thực hành GD tiếng Anh 1 |  |  | *√* |  | *√* | *√* | *√* | *√* |  | *√* | *√* | *√* | *√* | *√* |
| 25 | POL1002 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | *√* |  |  |  |  | *√* |  |  |  | *√* |  |  |  |  |
| 26 | ENG30021 | Đọc - Viết tiếng Anh 3 |  | *√* |  |  |  |  |  | *√* |  |  |  |  | *√* |  |
| 27 | ENG30023 | Nghe - Nói tiếng Anh 3 |  | *√* |  |  |  |  | *√* | *√* |  |  |  |  | *√* |  |
| 28 | ENG30034 | Kỹ thuật và thực hành giảng dạy tiếng Anh 2 |  |  | *√* |  | *√* | *√* | *√* | *√* |  | *√* | *√* | *√* | *√* | *√* |
| 29 |  | Viết khoa học |  |  | *√* |  |  | *√* |  |  |  |  |  | *√* |  | *√* |
| 30 | **Tự chọn 1** | |  | *√* |  | *√* |  |  |  |  |  |  |  |  | *√* |  |
| 31 | ENG30032 | Biên dịch |  | *√* |  |  |  | *√* |  | *√* |  |  |  | *√* | *√* |  |
| 32 | ENG30033 | Kiểm tra đánh giá ngoại ngữ |  |  | *√* |  | *√* | *√* | *√* | *√* |  | *√* | *√* | *√* | *√* | *√* |
| 33 | ENG30037 | Tiếng Anh học thuật |  | *√* |  |  |  |  |  | *√* |  |  |  |  | *√* |  |
| 34 | ENG30030 | Thiết kế chương trình và phát triển học liệu |  |  | *√* |  | *√* | *√* | *√* | *√* |  | *√* | *√* | *√* | *√* | *√* |
| 35 |  | **Tự chọn 2** |  |  | *√* |  |  | *√* | *√* |  |  |  | *√* | *√* | *√* | *√* |
| 36 | ENG30039 | Thực tập sư phạm |  |  |  |  |  |  | *√* | *√* |  | *√* | *√* | *√* | *√* | *√* |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tự chọn 1**  (Chọn 1 trong 3 học phần) | | | |
| **TT** | | **Tên học phần** | **TC** |
| 1 | | Ngôn ngữ học đối chiếu | 3 |
| 2 | | Phân tích diễn ngôn | 3 |
| 3 | | Ngữ dụng học | 3 |
| **Tự chọn 2**  (Chọn 1 trong 4 học phần) | | | |
| **TT** | **Tên học phần** | | **TC** |
| 1 | *Phương pháp dạy học tích hợp nội dung và ngôn ngữ (CLIL)* | | 3 |
| 2 | *Kỹ năng tư duy phê phán trong DH Tiếng Anh* | | 3 |
| 3 | *PPGD Tiếng Anh Tiểu học* | | 3 |
| 4 | *Nghiên cứu hành động (Action Research)* | | 3 |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH  **KHOA SƯ PHẠM NGOẠI NGỮ** | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**BIÊN BẢN HỌP**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

**Thời gian:** Từ 14.30 ngày 08.09.2021 (Thứ Tư)

**Địa điểm:** Trực tuyến qua MS Teams

**I. Thành phần tham dự**

1. Chủ trì: TS. Nguyễn Thị Kim Anh

2. Thư ký: ThS. Võ Thị Hồng Minh

3. Các thành viên của Hội đồng khoa học và đào tạo Khoa SP Ngoại ngữ

**II. Nội dung cuộc họp:** Thông qua Khung CTĐT K62 sau rà soát

1. TS. Nguyễn Thị Kim Anh, Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo, chủ trì cuộc họp: tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần, thông qua chương trình cuộc họp.

2. TS. Nguyễn Thị Kim Anh trao đổi về các yêu cầu nghiên cứu rà soát, cập nhật chương trình đào tạo ngành Sư phạm Tiếng Anh theo tiếp cận CDIO (Năm 2021)

**Phần thảo luận các ý kiến:**

1. Ý kiến của PGS. TS. Ngô Đình Phương: Chuẩn đầu ra, Khung CTĐT các ngành Sư phạm Tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh đã được Hội đồng nghiệm thu cấp trường đánh giá đạt yêu cầu, đủ điều kiện đưa vào áp dụng trong quản lý đào tạo.

2. Ý kiến của TS. Nguyễn Hữu Quyết: Trong quá trình triển khai thực hiện, các học phần dạy học theo đồ án/ dự án phải xây dựng DCCT mới phù hợp với chuỗi đồ án/ dự án của ngành.

3. Ý kiến của TS. Nguyễn Thị Kim Anh: Việc đánh giá theo chuẩn đầu ra của CTĐT gặp nhiều khó khăn, do đó, nhà trường cần có thêm các hướng dẫn để các giảng viên xây dựng DCCT học phần theo chuỗi đồ án/ dự án đảm bảo chuẩn đầu ra của CTĐT.

**III. Kết luận của hội đồng**

Hội đồng khoa học và đào tạo Khoa SP Ngoại ngữ họp và thống nhất

1. Thông qua Chuẩn đầu ra, Khung CTĐT ngành Sư phạm Tiếng Anh, áp dụng khóa đào tạo thứ 62 (Năm 2021)
2. Giao cho các bộ môn rà soát các học phần triển khai dạy học theo đồ án/ dự án

Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa SP Ngoại ngữ nhất trí thông qua với 100% thành viên.

Cuộc họp kết thúc vào lúc 17.15 ngày 08 tháng 9 năm 2021, nội dung cuộc họp đã được các thành viên dự họp thông qua và cùng ký vào biên bản.

Biên bản được các thành viên nhất trí thông qua./.

|  |  |
| --- | --- |
| **Chủ trì** | **Thư ký** |
| **TS. Nguyễn Thị Kim Anh** | **ThS. Võ Thị Hồng Minh** |
|  |  |